**BÀI 7 - THƠ TÁM CHỮ VÀ THƠ TỰ DO**

*(Thời gian thực hiện: 12 tiết)*

**\* MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  
- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.  
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.  
- Nhận biết và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần trong văn bản.  
- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  
- Có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.  
- Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ. Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.  
- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế nếu có) lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan

***\* Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt, sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước.

- Chăm chỉ, tự giác, giúp đỡ, hỗ trợ bạn trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**\* Tích hợp tư tưởng đạo đức HCM:** Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước

**TIẾT 85, 86: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**QUÊ HƯƠNG (2 Tiết)**

**- Tế Hanh -**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**\* Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ...) và nội dung (chủ đề, đề tài, tình cảm, cảm xúc,...) của bài thơ Quê Hương

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ; cùng những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Rút ra công thức đọc hiểu thơ tám chữ.

**\* Năng lực chung**

- Tự học tự chủ: tự giác hoàn thành các PHT gv giao, làm chủ tình cảm hành vi thái độ của mình, hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm.

- Giao tiếp, hợp tác, sáng tạo: Phối hợp, trao đổi với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ trên lớp, ở nhà; đánh giá được khả năng nguyện vọng của các thành viên khi hợp tác

**2. Phẩm chất**

- Trân trọng và biết thể hiện tình yêu quê hương bằng những hành động thiết thực.

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ...) và nội dung (chủ đề, đề tài, tình cảm, cảm xúc,...) của bài thơ Quê Hương

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, Máy chiếu đa năng (TV), KHBD, …

- Học liệu:

+ SGK, tài liệu tham khảo.

+ Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG** (Thời gian: 5 phút)

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Quê hương.*

***b. Nội dung***: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, theo dõi video ca nhạc *Quê hương Việt Nam tôi*và nêu cảm nghĩ.

***c. Sản phẩm:*** Những chia sẻ của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xem video ca nhạc *Quê hương Việt Nam tôi*và trả lời câu hỏi: *Hình ảnh sâu đậm nhất về quê hương trong em là gì*?

(Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=y_8Cd7BC17s> (0:00 – 4:30))

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**B3: Báo cáo kết quả, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi mở:

*+ Một số hình ảnh quê hương:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

+ *Hình ảnh quê hương trong tâm trí mỗi người lại mang một dáng vẻ riêng. Quê hương là chốn bình yên, là những cánh đồng trải dài mênh mông; là những cánh diều bay cao vút trên bầu trời chở ước mơ, hoài bão của tuổi thơ; là con sông uốn lượn như dải lụa quanh làng; là những con người chân chất, giản dị mà sâu nặng nghĩa tình…*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *“Có một đề tài, trở đi trở lại như một lời khấn khứa, càng viết nhiều, càng hay”. Có lẽ nào, đấy chính là quê hương? Trong dòng chảy văn học, ta từng nghe một quê hương với ánh trăng, chùm khế, với cánh diều ngây dại mà thiêng liêng trong thơ Đỗ Trung Quân; từng lặng mình với quê hương của Hoàng Cầm trong “Bên kia sông Đuống” trong những năm kháng chiến máu lửa, đau thương; từng khắc khoải với tấm lòng của người nông dân mộc mạc, chân chất trong “Làng” của Kim Lân... Và nay, giữa đề tài đã được “đào xới nhiều lần, thiên hạ đã đi mòn lối cỏ”, ta vẫn thấy một dòng ánh sáng yêu thương, rất riêng trong****Quê hương****của Tế Hanh.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 75P)**

***a. Mục tiêu:***

- HS nắm được đặc trưng cơ bản của thể loại thơ tám chữ, một số yếu tố về hình thức và nội dung của văn bản thơ trong phần kiến thức ngữ văn.

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể thơ tám chữ trong bài thơ *Quê hương* (bố cục, số tiếng, số dòng, vần, nhịp, …)

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của giọng điệu được thể hiện trong bài thơ, sự kết hợp giữa yếu tố miêu tả, biểu cảm và cảm xúc trữ tình; cách sử dụng ngôn từ, sử dụng các thủ pháp nghệ thuật trong bài thơ.

- Cảm nhận được bức tranh làng biển tươi sáng, khỏe khoắn, sôi động với cuộc sống lão động vui tươi, phần khởi của người dân chài; cảm nhận được tình yêu quê hương tha thiết của tác giả, từ đó biết trân trọng và biết thể hiện tình yêu quê hương bằng những hành động thiết thực.

- Hình thành kĩ năng đọc hiểu bài thơ tám chữ.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác, nêu vấn đề và kĩ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi… để hướng dẫnHS đọc hiểu văn bản.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Hoạt động tìm hiểu chung về văn bản**  **Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu về thể thơ tám chữ và một số yếu tố về hình thức, nội dung của văn bản thơ***  **Chuyên gia- mảnh ghép biến thể**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Đọc tri thức Ngữ văn, hoàn thành PHT theo nhiệm vụ GV giao:  + Tổ 1,3: *Tìm hiểu về thể thơ tám chữ theo* ***PHT 1A*** *(lấy ví dụ minh họa).*   |  |  | | --- | --- | | *Khái niệm* |  | | *Số câu trong khổ* |  | | *Ngắt nhịp* |  | | *Gieo vần* |  |   *+ Tổ 2,4: Tìm hiểu khái niệm một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản thơ theo* ***PHT số 1B.***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Văn bản thơ | Hình thức | Kết cấu | Khái niệm | | Cách xây dựng | | Bố cục |  | | Ngôn từ |  | | Nội dung | Cảm hứng chủ đạo |  | | Tư tưởng của tác phẩm |  |   ***- Thời gian****: 5 phút. Sau 5 phút chia sẻ với bạn theo sự điều phối của gv theo sơ đồ sau:*    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc các thông tin trong phần *Tri thức ngữ văn*, hoàn thành nhiệm vụ.  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gọi ngẫu nhiên 1-2 bạn lên trả lời, điểm tính cho cả 2 bạn.**(Gọi hs khuyết tật trả lời)**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Kiến thức Ngữ văn**  **\* Một số yếu tố thi luật của thể thơ tám chữ:**   |  |  | | --- | --- | | *Khái niệm* | Thơ tám chữ là thể thơ trong đó mỗi dòng có tám chữ | | *Số câu trong khổ thơ* | Bài thơ tám chữ có thể gồm nhiều đoạn dài với số dòng không hạn định hoặc có thể được chia thành các khổ | | *Ngắt nhịp* | Đa dạng | | *Gieo vần* | Theo nhiều cách khác nhau, phổ biến nhất là vần chân |   VD:  Nào đâu/ những đêm vàng bên bờ suối  Ta say mồi/ đứng uống ánh trăng **tan**?  Đâu những ngày mưa/ chuyển bốn phương **ngàn**  Ta lặng ngắm/ giang san// ta đổi ***mới***?  Đâu những bình minh cây xanh nắng ***gội***,  Tiếng chim ca/ giấc ngủ ta tưng bừng?  *(mỗi dòng có tám chữ, vần chân, nhịp thơ linh hoạt…)*  **\* Một số yếu tố về hình thức và nội dung của bài thơ:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Văn bản thơ | Hình thức | Kết cấu | Khái niệm: Là sự sắp xếp, tổ chức các đơn vị của bài thơ thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa, tuỳ theo nội dung và thể thơ. | | Cách xây dựng: Bố trí, sắp xếp từ ngữ, các dòng hoặc khổ hay đoạn thơ để khắc hoạ hình tượng nghệ thuật và bộc lộ cảm xúc theo một trật tự nhất định. | | Bố cục | Là bề mặt của kết cấu (tác phẩm có dung lượng ngắn, bố cục có thể trùng hợp với kết câú) | | Ngôn từ | Là chất liệu cuat thơ. Ngôn từ có vần và nhịp, có tính hàm súc, cô đọng, có những cách kết hợp từ mới và bất ngờ, giàu nhạc tính, từ ngữ trùng điệp, phối hợp bằng trắc… | | Nội dung | Cảm hứng chủ đạo | - Là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận  - VD: cảm hứng ngợi ca, vui sướng, biết ơn, đau xót, thương tiếc, tình cảm căm thù, châm biếm, phẫn nộ… | | Tư tưởng của tác phẩm | Là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là thái độ và nhận thức mà tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. |   ***=> một tác phẩm thơ cần có sự thống nhất giữa nội dung và nghệ thuật: nội dung tư tưởng cao đẹp, hình thức nghệ thuật hoàn mĩ.*** |
| **Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm***  **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện các nhiệm vụ theo phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu chung VB Quê hương** | | | Tác giả | - Tên thật:  - Quê quán:  - Vị trí:  - PCST: | | Hoàn cảnh sáng tác/xuất xứ của VB |  | | Thể loại |  | | Đề tài |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 2 – 3 HS báo cáo, HS khác theo dõi, chia sẻ, bổ sung thêm thông tin tìm hiểu được.  **Bước 4. Đánh giá kết quả:**  - GV nhận xét quá trình đọc và tìm hiểu văn bản ở nhà của HS, chia sẻ, mở rộng một số thông tin về tác giả, tác phẩm | **2. Tác giả-tác phẩm**   |  |  | | --- | --- | | **QUÊ HƯƠNG** | | | **Tác giả** | - Tế Hanh (1921 – 2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh.  - Quê quán: xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi  - Vị trí: Ông có mặt trong phong trào thơ Mới ở chặng cuối với những bài thơ mang nỗi buồn và tình yêu quê hương.  - Phong cách sáng tác: thơ ông chân thực với cách diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, tự nhiên và rất giàu hình ảnh. | | **Hoàn cảnh sáng tác/xuất xứ của VB** | - HCST: Bài thơ *Quê hương* viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương - một làng chài ven biển tha thiết.  - Xuất xứ: Bài thơ được rút trong tập *Nghẹn ngào* (1939) và sau đó được in trong tập *Hoa niên* (1945). | | **Thể loại** | Thơ tám chữ | | **Đề tài** | Quê hương | |
| **Nhiệm vụ 3: *Hướng dẫn HS đọc văn bản***  **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  - Nhóm 2 HS trao đổi với nhau về kết quả đọc trực tiếp ở nhà. Mõi bạn có 1 phút 30 giây để trao đổi  - HS đọc diễn cảm bài thơ trước lớp. Các HS khác đánh giá kết quả đọc diễn cảm dựa trên bảng kiểm sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  | | Ngắt nhịp đọc hợp lí |  |  | | Tốc độ đọc phù hợp |  |  | | Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ (1). Sau khi GV nhận xét về nhiệm vụ (1) cả lớp thực hiện nhiệm vụ (2).  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. -HS đọc diễn cảm. Các HS khác đánh giá kết quả đọc theo bảng kiểm đã công bố.  **Bước 4. Đánh giá kết quả:**  - GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động *Trải nghiệm cùng VB*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này.  - GV nhận xét kết quả đọc diễn cảm và cách HS đánh giá đồng đẳng ở hoạt động này. | **3. Hướng dẫn đọc**  **a. Đọc, chú thích** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành PHT số 3 trong thời gian 5 phút.  **Câu hỏi:** VB đã tuân thủ quy định về thi luật của thể thơ tám chữ như thế nào?  Đọc lại mục Thơ tám chữ, phần kiến thức Ngữ văn trong SGK sau đó, điền thông tin vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố** | **Thể hiện trong bài thơ Quê hương** | | Số tiếng trong mỗi dòng thơ | … | | Gieo vần | … | | Ngắt nhịp | … | | 🡪 Kết luận: … | |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:**  - GV gọi2nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. **(hs khuyết tật trả lời)**  **Bước 4. Đánh giá kết quả** | **b. Đặc điểm thể loại** |
| **Đáp án:**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu thi luật thể thơ tám chữ trong VB**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Thể hiện trong văn bản:** | | Số tiếng trong mỗi dòng | - Mỗi dòng thơ có 8 tiếng | | Gieo vần | - Vần chân, vần liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ năm*).  - Vần cách đồng thời là vần thông (*vôi/ khơi*). | | Ngắt nhịp | 3/5 kết hợp với 3/2/3, 4/4 tạo nên nhịp điệu uyển chuyển cho bài thơ. | | **Kết luận** | => Tạo nên giọng điệu thơ trìu mến, thiết tha, thể hiện tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ. | | | |
|  |  |
| **Hoạt động đọc-hiểu văn bản**  **Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ? Dựa vào phần đọc ở nhà và trên lớp, em hãy cho biết, bài thơ có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần là gì?  - Hs làm việc theo nhóm bàn: điền vào sơ đồ sau để xác định mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ:  **Cảm xúc thể hiện trong các khổ 1, 2, 3:**  ................................................................................................  **Cảm xúc thể hiện trong khổ 4:**  ...............................................................................................  **Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:**  ...............................  ...............................  ...............................  ...............................  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân và nhóm bàn  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi  - GV yêu cầu 1 nhóm bàn bất kì lên bảng trình bày sơ đồ, cả lớp thảo luận so sánh các sơ đồ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định(GV):**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  + Bài thơ Quê hương bắt nguồn từ nỗi nhớ cảnh vật, con người và cuộc sống ở quê của tác giả tế Hanh. Từ nỗi nhớ ấy, những tình cảm chân thành, đằm thắm và tha thiết dành cho quê hương của Tế Hanh được kết tinh thành những vần thơ.  + Nhận xét về nguồn cảm hứng của bài thơ này, nhà phê bình Hoài Thanh - Hoài Chân cho rằng: *"Tế Hanh là một người tinh lắm, Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy được-cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mành hồn làng, trên cảnh buôm giương, như tiếng hát của hương đồng quyến rũ, con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thể giới rất gân gũi"* | **II. ĐỌC-hiểu văn bản**  **1. Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo**  – **Bố cục:** 4 phần  + 2 câu đầu: Giới thiệu chung về làng quê.  + 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá.  + 8 câu tiếp: Đoàn thuyền đánh cá trở về bến  + 4 câu còn lại: Nỗi nhớ làng, nhớ biển nhứ quê hương.  **=> Mạch cảm xúc :** Cảm xúc tự hào về quê hương được thể hiện gián tiếp qua những hình ảnh gợi tả sống động vẻ đẹp lao động của dân chài, cuộc sống làng chài (khổ 1, 2, 3), cảm xúc nhớ thương quê hương da diết từ màu sắc (*màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi*) đến mùi vị nồng mặn của biển cả (khổ 4).  **– Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:** là cảm hứng ca ngợi cuộc sống lao động của người dân chài và vẻ đẹp của quê hương đất nước. |
| **Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp và cảm xúc trữ tình***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập trên khổ giấy A1  + Nhóm 1: Dòng 1-2 và dòng từ 3-8  + Nhóm 2: Dòng từ 9-16  + Nhóm 3: Dòng từ 17-20 và nhận xét về Vần nhịp của cả bài   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh,**  **BPTT, vần, nhịp trong bài thơ**  Đọc kĩ các dòng thơ trong văn bản, hoàn thành PHT | | | | **Các dòng thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng,**  **ý nghĩa** | | Dòng 1-2 |  |  | | Dòng từ 3-8 |  |  | | Dòng từ 9-16 |  |  | | Dòng từ 17-20 |  |  | | Cả bài | - Vần, nhịp |  | |  | | |   -Thơi gian: 7 phút. Sau 7 phút các nhóm chuyển sản phẩm chấm chéo  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Đánh giá kết quả:**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp** |
| **\* Đáp án:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, BPTT, vần, nhịp trong bài thơ**  Đọc kĩ các dòng thơ trong văn bản, hoàn thành PHT | | | | **Các dòng thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng, ý nghĩa** | | Dòng 1-2 | *- “Vốn”*  *- “làm nghề chài lưới”*  *- "Nước bao vây"*  *- "Cách biển nửa ngày sông"* | **- Nghề nghiệp:**  + **Nghề truyền thống**, được truyền từ đời này sang đời khác. Cách giới thiệu chứa đầy sự **tự hào** về công việc của người làng.  - **Vị trí:**  + Ngôi làng **như một bán đảo**, ba bề, bốn bên đều là nước.  + **Khoảng cách địa lí** của làng so với biển **được đo bằng khoảng thời gian** - cách nói mang **chất riêng của người miền biển**, đồng thời gợi lên **không gian sông nước bao la, rộng lớn.**  **=>** Câu thơ như một **lời nói nôm na, bình dị và tự nhiên** giới thiệu về quê hương của mình. | | Dòng từ 3-8 | - Liệt kê: *“trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng”*  *- “Dân trai tráng”*  - Hình ảnh so sánh *"chiếc thuyền"* như *"con tuấn mã"*  - Hàng loạt các động từ mạnh, tính từ như *"hăng", "phăng". "mạnh mẽ", "vượt"*  *-* So sánh *“Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”*  *- "rướn thân trắng", "thâu góp gió"*  *-* | **- Thiên nhiên**  Cảnh được **mở lên cao** với cái với vợi của bầu trời trong trẻo sớm mai. **Ánh nắng** của buổi bình minh **nhuốm hồng cảnh vật**. Màu xanh của trời, của nước hoà quện vào với màu hồng của nắng mai tạo nên một **cảnh sắc tươi sáng**. **Không khí trong lành** với những làn gió nhè nhẹ thổi.  => **Bức tranh thủy mặc** trong một buổi ban mai.  => Đây chính là **thời điểm người dân chài ra khơi** đánh cá.  **- Con người (người dân chài)**  + Sức vóc **khỏe khoắn, mạnh mẽ.**  + **Khi thế vui tươi, phấn khởi** của những ngư dân đang chuẩn bị ra khơi đánh cá.  - **Hình ảnh con thuyền ra khơi:**  + Giàu hình ảnh, tái hiện được **khí thế dũng mãnh, sự háo hức, hăm hở** của đoàn thuyền trong mỗi chuyến ra khơi.  + **Sức mạnh và tâm thế làm việc** của những người dân chài. Họ đang lướt đi như bay trên mặt biển để vươn tới khơi xa, chính phục biển cả.  **=> Không khí lao động đầy hứng khởi**  **- Hình ảnh cánh buồm**  + **Lấy cái cụ thể**, hữu hình (*cánh buồm*) **đối chiều với cái trừu tượng**, vô hình (*mành hỗn làng*)  => **Độc đáo**  => Hình ảnh vốn vô cùng bình dị quen thuộc trở nên **lớn lao, thiêng liêng, thơ mộng.**  => Cánh buồm đã **trở thành thành biểu tượng, linh hồn** của làng chài.  => Tạo nên **vẻ đẹp lãng mạn, bay bồng, giàu ý nghĩa,** tiêu biểu cho bút pháp lãng mạn của Tế Hanh.  + Được **miêu tả trong trạng thái động, rất mạnh mẽ** trong hành trình chinh phục biển khơi.  + **Mang theo biết bao mơ ước, khát vọng** và mang theo cả **linh hồn của làng chài** để bảo vệ, che chở cho những con người đang vươn mình bám biền.  => **Bút pháp lãng mạn** của Tế Hanh góp phần tạo nên một **bức tranh tươi đẹp, rực rỡ về cảnh lao động** của người dân chài. Qua đó, tác giả cũng gợi lên **vẻ đẹp của những con người quê hương với khát vọng chinh phục biển cả** bằng tất cả sức mạnh của mình. | | Dòng từ 9-16 | - Từ láy *"ồn ào", 'tấp nập".*  - Hình ảnh *"Những con cá tươi ngon thân bạc trắng"*  - Câu thơ *"Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe"* được đặt trong ngoặc kép  - *“làn da ngăm rám nắng”*  - *"Cà thân hình nồng thở vị xa xăm"*  - Nhân hóa: *Chiếc thuyền* nằm *im, mới, nằm, nghe chất muối thầm dẫn...* | **- Cảnh thuyền về bến**  + Không khí **náo nhiệt, vui tươi** trên bến đỗ, **dân làng mừng đón** đoàn thuyền trở về.  + **Hành trình bội thu** => món quà của biển cả dành tặng cho con người.  + **Lời cảm tạ** từ đáy lòng của những người dân làng chài với biên, bởi biển như người mẹ hiền đã nuôi sống họ tự ngàn đời nay.  => **Tâm hồn mộc mạc, nồng hậu và lòng biết ơn** của người dân chải với biền cả quê hương.  **- Vẻ đẹp của người dân chài**  **+** Tả thực hình ảnh những người dân chài quanh năm đắm mình với nắng gió biển khơi: **Làn da sạm đi vì nắng gió**  + Thân hình **thấm đẫm hơi thở của biển cả, nồng mặn vị muối** của đại dương bao la. Họ mang theo hương vị, cả tâm hồn của biển  => **Tả thực** nhưng cũng **đậm chất lãng mạn**.  => **Vẻ đẹp rất riêng** của người dân chài; gợi lên **cuộc sống vất vá, nhọc nhằn** của họ.  => Thấm đẫm **tình yêu thương của tác giả** dành cho những con người quê hương.  **- Vẻ đẹp của con thuyền**  **+ Con thuyền** cũng trở nên **có linh hồn.** Nó là một **người bạn đồng hành thân thiết**, cùng chia sẻ với người dẫn chài những vất vả của chuyến đi, giờ đây **đang tận hưởng những giây phút nghỉ ngơi, thư giãn**.  + ***"chất muối"*** cũng đang **thấm dần vào cơ thể của con thuyền** sau mỗi chuyển ra khơi.  => Gợi **cảm giác bình yên.**  **=> Liên tưởng độc đáo** | | Dòng từ 17-20 | - *"lòng tôi luôn tưởng nhớ"*  - Liệt kê *“Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, thoáng con thuyền”*  *- "cái mùi nồng mặn"*  *-* Điệp từ *“nhớ”*  *- Giọng thơ: chậm, chùng xuống* | **- Nỗi nhớ quê hương của tác giả**  **+ Bộc lộ trực tiếp tình cảm.**  + **Giản đị, tự nhiên** nhưng vô cùng **xúc động** => **tình cảm chân thành, sâu sắc.**  **+** Hình ảnh **đặc trưng, thân thuộc** của quê hương miền biển và cũng chi miền biển mới có.  + **Được nhắc đi nhắc lại nhiều lần** trong bài. Nó chính là *"vị xa xăm"* toát ra từ thân thể của *"dân chài lưới"*, là thứ đã *"thấm dần trong thớ vớ"* của những con thuyền sau mỗi chuyến ra khơi  => **Mùi vị của biển cả, của quê hương**. | | Cả bài | - Cách ngắt nhịp 3/5 kết hợp với 3/2/3, 4/4  -Gieo vần:  + Đoạn 1,2: Tác giả gieo vần chân "ông" "sông - hồng" ở câu thơ 2,3; vần chân "ang" "giang - làng" được gieo ở câu thơ 6,7;  + Đoạn 3: Gieo vần chân "ắng" "trắng - nắng" ở câu thơ 13, 14; và vần chân "ăm" "xăm - nằm" được gieo ở câu thơ 15,16.  + Sử dụng một loạt vần "ang" trong bài. | + Rất **chú trọng về việc gieo vần ở cuối câu** thơ. Từ đó tạo nên một **nhịp cố định** cho cả bài thơ và giúp bài thở trở nên có **nhạc điệu,** **nhịp điệu uyển chuyển** thu hút người đọc, người nghe.  + Làm cho **không gian** của bài thơ được **mở rộng** phù hợp với không gian, bối cảnh của bài thơ. Đó là về biển cả.  => **Góp phần thể hiện tình yêu** **quê hương** trong sáng, tha thiết của nhà thơ. | | **=> Tình yêu và nỗi nhớ quê hương nồng nàn, sâu đậm.** | | | | | |
| **Nhiệm vụ 3: *Tìm hiểu yếu tố miêu tả, biểu cảm và cảm xúc trữ tình***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu các 3 nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:  Đọc lại toàn bộ bài thơ và điền thông tin vào PHT  **YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỀU CẢM**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** | | Miêu tả dân chài:  ……………………………………  Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá:  ……………………………………… | Thể hiện tình cảm của nhà thơ:  ……………………………………  ……………………………………  …………………………………… | | Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố: ……………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………………. | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định(GV):**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. | **3. Yếu tố miêu tả, biểu cảm và cảm xúc trữ tình** |
| **\* Đáp án:**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** | | **- Miêu tả dân chài:** *làn da ngăm rám nắng, phăng mái chèo mạnh mẽ, thân hình nồng thở vị xa xăm*  - Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá: *trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng, cánh buồm giương to, rướn thân trắng, tấp nập đón ghe về, màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,...* | Thể hiện **tình cảm của nhà thơ**: *lòng tôi luôn tưởng nhớ, tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá* | | Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố: vừa gợi tả sống động bức tranh cuộc sống lao động đầy chất thơ của làng chài, vẻ đẹp khoẻ mạnh, cường tráng của người dân chài vừa thể hiện tình cảm thương nhớ quê hương. Tuy nhiên, yếu tố biểu cảm vẫn là chủ đạo vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình. | | | | |
| **CÙNG SUY NGẪM:**  ? Em hãy khái quát chủ đề của bài thơ và cho biết từ văn bản, em đã nhận ra những bài học ý nghĩa nào trong cuộc sống?  -HS suy nghĩ, viết ra mẩu giấy nhớ  - HS chia sẻ sản phẩm với bạn  => GV gọi các cặp/ nhóm bắt cặp, chia sẻ  - GV chốt: Quê hương là cái nôi đầu tiên cho ta trưởng thành. Quê hương dõi theo từng bước ta đi trong cuộc đời. Tình yêu quê hương bắt đầu từ những điều nhỏ bé, bình dị, rất đỗi thân thuộc. Đó là tình cảm trong sáng, cao cả, thiêng liêng nhất và góp phần thanh lọc tâm hồn con người. Vì vậy mai sau khi chúng ta lớn lên, đặt chân đến nhiều vùng đất mới, dù có đi xa cũng đừng quên đi những vẻ đẹp bình dị thân thương của quê hương và những con người nơi đây, hãy luôn nhớ về quê hương. | **4. Chủ đề, thông điệp**  **- Chủ đề:** Tình yêu quê hương, đất nước, con người  **- Thông điệp:**  + Yêu quê hương, tự hào về quê hương.  + Biết yêu mến con người và biết trân trọng thành quả lao động, những đóng góp vĩ đại của ông cha vì từng tấc đất mà ta đang ở đều được đánh đổ bằng bao mồ hôi công sức của thế hệ trước. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  + Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  + Em hãy rút ra một số lưu ý khi đọc thơ song thất lục bát.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời.  - Hs khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định(GV):**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Giá trị nội dung**  Bài thơ vẽ lên bức tranh làng biển tươi sáng, khỏe khoắn, sôi động với cuộc sống lão động vui tươi, phần khởi của người dân chài. Qua đó, ta thấy được tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ sáng tạo, mới mẻ, độc đáo, lăng mạn.  - Các biện pháp so sánh, nhân hóa, liệt kê được sử dụng hiệu quả.  - Giọng thơ linh hoạt, lúc trong sáng, tươi vui; tràn đầy khí thế hắm hở, mạnh mẽ; khi bùi ngùi, xúc động, thấm đẫm tình yêu, niềm tự hào và nỗi nhớ quê hương.  **3. Cách đọc hiểu VB thơ tám chữ**  **B1-** Đọc kĩ VB, tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời VB (nếu có), hiểu các chú thích,...  **B2-** Xác định các yếu tố hình thức đặc trưng thể loại được thể hiện trong VB. (dòng- khổ- vần- nhịp- nhân vật trữ tình…)  **B3-** Chỉ ra bố cục và mạch cảm xúc của VB.  **B4-** Phân tích đặc sắc nghệ thuật (từ ngữ- hình ảnh- BPTT) và tác dụng của chúng trong việc bộc lộ cảm xúc nhân vật trữ tình.  **B5-** Khái quát chủ đề VB, liên hệ bản thân và kết nối cuộc sống để hiểu sâu sắc hơn về VB. |

**HOẠT ĐỘNG 3,4: LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG** *(Thời gian: 8 phút)*

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và đoạn văn của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  **+ Bài thơ Quê hương giúp em nhận thức gì vai trò của quê hương đối với mỗi con người trong cuộc sống?**  **+ Sưu tầm thêm các bài thơ, bài hát về quê hương.**  **<https://youtu.be/2gTXE5DJzVI?si=nqdaqBiTT__K4KU->**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | Quê hương dạy chúng ta cách trưởng thành từ những kỷ niệm ngây thơ và ngây dại của tuổi thơ. Tình yêu quê hương bắt đầu từ những điều nhỏ nhặt hàng ngày, từ tình cảm gia đình, tình yêu sự gắn bó với làng quê.. Nó cũng khơi dậy ý thức xây dựng đất nước đúng mực, đẹp đẽ hơn. |

**\* Phụ lục**

**PHT SỐ 1: *Tìm hiểu chung văn bản***

|  |  |
| --- | --- |
| ***BẾP LỬA*** | |
| Tác giả | - Tên thật:  - Quê quán:  - Vị trí: |
| Hoàn cảnh sáng tác của VB |  |
| Thể loại |  |
| Đề tài |  |
| Bố cục |  |

**PHT 2:**

**a/**? Tình cảm của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong bài thơ?

**b/** “Những kỉ niệm nào về tuổi thơ đã được tác giả hồi tưởng? Chỉ rõ và nêu tác dụng giọng điệu và biện pháp nghệ thuật nổi bật của những dòng thơ đó.”

**PHT 3:**

a/ Em hãy khái quát chủ đề của bài thơ và cho biết từ văn bản, em đã nhận ra những bài học ý nghĩa nào trong cuộc sống?

b/ Bài thơ Bếp lửa giúp em nhận thức gì về vai trò của tình cảm gia đình đối với mỗi con người trong cuộc sống?

**\* Hướng dẫn HS học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau:** (2p)

- Hướng dẫn HS học bài, làm bài tập vận dụng

- Hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau: **Bài 1. Văn bản 2. Bếp lửa (Bằng Việt)**

(1) Xem lại phần Kiến thức ngữ văn để vận dụng vào đọc hiểu văn bản “Bếp lửa”

(2) Khi đọc hiểu văn bản thơ tự do, bên cạnh các yêu cầu chung về đọc hiểu thơ theo đặc trưng thể loại, các em cần chú ý:

- Dòng thơ dài, ngắn khác nhau, có thể có vần hoặc không vần,...

- Nhịp điệu, biện pháp tu từ, từ ngữ và hình ảnh trong bài thơ.

Sự thay đổi cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

(3) Đọc trước văn bản *Bếp lửa* để xác định giọng đọc, những lưu ý khi đọc; đồng thời tìm hiểu các lệnh/câu hỏi phần chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.

(4) Tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Bằng Việt và hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Bếp lửa.*

(4) Quan sát tranh minh hoạ ở bìa sách Ngữ văn 9 - tập 2 để miêu tả lại và đoán xem người trong tranh là những ai, họ đang làm việc gì.

**…………………………………………………………………………….**

**TIẾT 87, 88**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: BẾP LỬA**

**-Bằng Việt-**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Giáo dục HS có lối sống đúng đắn, yêu thương bản thân, gia đình và cộng đồng.

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Yêu nước, tự hào về quê hương đất nước, truyền thống gia đình.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

**\* Nội dung tích hợp, lồng ghép:**

**- GD đạo đức:** Tình yêu quê hương,  
+ Đất nước, gia đình, lòng kính yêu bà. Lòng tự trọng của bản thân, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.  
=> Giáo dục các giá trị tình yêu thương, hạnh phúc, giản dị, tôn trọng, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu, KHBD…

**2. Học liệu:** SGK, SGV; Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học; Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung*:***Chia sẻ với cả lớp về kỉ niệm mà em nhớ nhất khi ở cạnh bà.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV đưa ra câu hỏi:Em hãy chia sẻ với cả lớp về kỉ niệm mà em nhớ nhất khi ở cạnh bà. Tình cảm của em đối với bà như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời

- GV quan sát, kịp thời hướng dẫn học sinh

chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của mình.

**Bước 3**: **Báo cáo kết quả, thảo luận:**

- GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- HS trả lời câu hỏi

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần), dẫn dắt vào bài mới: Trong thơ ca Việt Nam, hình ảnh những người phụ nữ, những người bà thường được thể hiện rất ấm áp và cảm động:

“ Bãi cỏ lau già

Bà đứng dáng liêu xiêu

Cành xoan mảnh trên tay làm gậy chống

Gió xa tắp đồng tháng năm lồng lộng

Tóc phơ phơ hắt đỏ ráng chiều”

Hình ảnh người bà đã trở thành nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho nhà thơ Bằng Việt viết nên bài thơ nổi tiếng “Bếp lửa”. Hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu bài thơ này.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (67P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đọc diễn cảm văn bản và sử dụng được các kĩ thuật đọc suy luận, theo dõi khi trả lời các câu hỏi trong phần chuẩn bị  **b. Nội dung:**  **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Em hãy nêu một số hiểu biết về tác giả Bằng Việt?  Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  (1) Các nhóm trình bày sơ đồ, sau đó, so sánh, nhận xét xem sơ đồ của nhóm nào đầy đủ, chính xác, trình bày khoa học, đẹp mắt.  (2) HS ghi chú kết quả đọc VB *Bếp lửa* vào phiếu đọc (thực hiện ở nhà và báo cáo vào tiết học sau).  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  - GV nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của HS, cách HS thực hiện kĩ năng suy luận. Sau đó, GV chia sẻ với HS những suy nghĩ của bản thân khi thực hiện các hoạt động theo dõi, suy luận.  - Làm thơ từ đầu 1960 và thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.  - Phong cách thơ của ông đa dạng, giàu sáng tạo và trẻ trung. Ngôn ngữ thơ của ông được thực tế đời sống, vận dụng tài hoa và khéo léo trong các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa giàu hỉnh ảnh thể hiện tư duy hiện đại đậm chất trí tuệ  - Hiện ông là chủ tịch Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Bằng Việt (1941)**  - Quê ở Thạch Thất, Hà Tây, Hà Nội.  - Phong cách thơ của ông đa dạng, giàu sáng tạo và trẻ trung. Ngôn ngữ thơ của ông được thực tế đời sống, vận dụng tài hoa và khéo léo trong các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa giàu hỉnh ảnh thể hiện tư duy hiện đại đậm chất trí tuệ  **2. Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ “Bếp lửa” sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở Liên Xô.  - Xuất xứ: Bài thơ được đưa vào tập “Hương cây- bếp lửa” (1968). Đây là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  HS đọc diễn cảm bài thơ trước lớp. Các HS khác đánh giá kết quả đọc diễn cảm dựa trên bảng kiểm sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đọc to, rõ, trôi chảy |  |  | | Ngắt nhịp đọc hợp lí |  |  | | Tốc độ đọc phù hợp |  |  | | Lựa chọn được giọng đọc phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện nhiệm vụ đọc; đánh giá theo bảng kiểm  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  - hs đọc diễn cảm bài thơ  - Hs khác nhận xét đánh giá theo bảng kiểm, đọc lại một vài khổ  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  G: Nhận xét,đánh giá  - Hướng dẫn hs tìm hiểu một vài chú thích: | **3. Hướng dẫn đọc**  **a, Đọc, hiểu chú thích** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành PHT số 3 trong thời gian 5 phút.  **Câu 1:** VB đã tuân thủ quy định về luật của thơ tự do như thế nào?  Đọc lại mục Thơ tự do, phần kiến thức Ngữ văn trong SGK sau đó, điền thông tin vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố** | **Thể hiện trong bài thơ Bếp lửa** | | Số chữ, số dòng trong một khổ thơ | … | | Vần | … | | Nhịp | … | | Nhân vật trữ tình  Đối tượng trữ tình |  | | Bố cục |  | | Mạch cảm xúc |  | | Cảm hứng chủ đạo |  | | 🡪 Kết luận: … | |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3. Báo cáo kết quả:**  - GV gọi2nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  **-** Nhận xét bài của hs | **b, Đặc điểm thể loại** |
| **Đáp án:**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu luật thơ tự do trong VB**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Thể hiện trong văn bản:** | | Số dòng,  Số tiếng | - Không giới hạn số dòng, khổ  **-** Mỗi dòng7,8 chữ | | Gieo vần | - Vần chân gieo liền hoặc cách | | Ngắt nhịp | - Nhịp: linh hoạt, 4/2/2; 4/4  \*VD:  Lên bốn tuổi/ cháu đã quen mùi khói  Năm ấy/ là năm/ đói mòn đói mỏi  Bố đi đánh xe/ khô rạc ngựa gầy  Chỉ nhớ khói/ hun nhèm mắt cháu  Nghĩ lại đến giờ /sống mũi còn cay! | | NVTT  ĐTTT | - Nhân vật trữ tình: người cháu  - Đối tượng trữ tình: Người bà | | Bố cục | - Bố cục: 4 phần:  + Phần 1: Khổ thơ đầu: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà.  + Phần 2: 4 khổ thơ tiếp theo: hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa.  + Phần3: Khổ 6: Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà.  + Phần 4: Khổ cuối: Người cháu đã trưởng thành, đi xa nhưng không nguôi nhớ về bà. | | Mạch cảm xúc | - Kết cấu theo trình tự: hiện tại – quá khứ - hiện tại. | | Cảm hứng chủ đạo | - Cảm hứng chủ đạo: nỗi nhớ, tình thương, lòng kính trọng và biết ơn bà của người cháu. | | **Kết luận** | * **Tạo nên giọng thơ chậm rãi, lắng sâu thể hiện niềm hồi tưởng của cháu về bà, tình cảm kính yêu dành cho bà** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Hoàn thành phiếu học tập   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, bp tu từ trong bài thơ  - Hoàn thành phiếu học tập theo nhóm | | | | | **Các dòng thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng,**  **ý nghĩa** | | Từ dòng thơ 1-3 |  |  | | Từ dòng 4-26 |  |  | | Từ dòng 27-37 |  |  | | Từ dòng 38-41 |  |  | | Kết luận: | | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc theo nhóm  + Nhóm 1: từ dòng 1- 3  + Nhóm 2: Từ dòng 4- 25  + Nhóm 3: Từ dòng 30-35  + Nhóm 4: Từ dòng 40  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **II/ Đọc hiểu văn bản**  **1. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ và cảm xúc trữ tình.** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, bp tu từ trong bài thơ**  - Hoàn thành phiếu học tập theo nhóm | | | | **Các**  **dòng thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng, ý nghĩa** | | 3 câu đầu | - Hình ảnh bếp lửa + điệp từ  - Từ láy chờn vờn, ấp ưu  - Bptt ẩn dụ | - Hình ảnh bếp lửa rất tự nhiên đã khơi gợi dòng hồi tưởng của cháu về người bà dịu dàng, kiên nhẫn | | Câu 4-26 | - Thành ngữ *“đói mòn đói mỏi”*  - Hình ảnh: *khô rạc ngựa gầy*  - Từ ngữ: *khói hun nhèm, sóng mũi còn cay*  - Hình ảnh: *8 năm ròng, tiếng tu hú kêu,*  - Từ ngữ: *bà bảo, bà dạy, bà chăm, tha thiết...* | -> gợi nỗi ám ảnh về nạn đói năm 1945 – quá khứ tang thương của dân tộc, tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn, cơ cực.  -> Hoàn cảnh neo đơn của hai bà cháu và tuổi thơ được sống trong tình yêu thương đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà | | Câu 27- 37 | *-* Hình ảnh: *bếp lửa bà nhen, một ngọn lửa*  - Từ ngữ: *ủ,* *niềm tin dai dẳng*  - Điệp ngữ, ẩn dụ *“một ngọn lửa”*  - Chiêm nghiệm về cuộc đời bà:  + Từ ngữ + câu hỏi tu từ + đảo ngữ: *lận đận, biết mấy nắng mưa*  + Điệp từ: *nhóm* (4 lần)  + Từ ngữ/hình ảnh*: khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới sẻ chung vui, những tâm tình tuổi nhỏ*  + câu cảm thán + đảo cấu trúc: *Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa* | -> Hình ảnh của bà luôn gắn với bếp lửa.  -> Nhấn mạnh tình yêu thương ấm áp của bà dành cho cháu.  -> Biểu tượng của tình yêu thương, niềm tin vào cuộc sống, nghị lực vượt lên nghịch cảnh.  -> Sự tần tảo và đức hi sinh của bà  -> Khơi dậy niềm yêu thương, những kí ức đẹp, có giá trị. Bà truyền hơi ấm tình người, khơi dậy tình cảm làng xóm, tình quê hương, đất nước  -> điều kì diệu giữa cuộc đời bình dị, niềm tin về ngày mai. | | Câu 38-41 | - Hình ảnh: *+ Khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả.*  - Câu hỏi tu từ: *Sớm mai này... chưa?* | -> Dù đã trưởng thành, đi xa nhưng nỗi nhớ về bà của người cháu vẫn luôn khắc khoải, thường trực, đau đáu khôn nguôi. Nhớ về bà cũng là nhớ về quê hương, cuôi nguồn | |  | **\* Hình ảnh ấn tượng nhất:** hình ảnh bếp lửa (nhắc đến 12 lần) - hình ảnh gắn với ng bà xuyên suốt toàn bộ bài thơ Hình ảnh bếp lửa vốn là hình ảnh thật của bếp lửa mà ngày ngày người bà nhen lửa nấu cơm. Nhưng bếp lửa lại trở thành hình ảnh tượng trưng, gợi lại tất cả những kỷ niệm ấm áp của hai bà cháu. Lửa thành ra ngọn lửa tình yêu, lửa niềm tin, ngọn lửa bất diệt của tình bà cháu, tình quê hương đất nước. Bếp lửa mà người bà ấp iu hay chính là tình yêu thương mà bà nâng niu dành tất cả cho cháu, từ việc dạy cháu làm, chăm cháu học, bảo cháu nghe. Bếp lửa cũng là nơi bà nhóm lên tình cảm, khát vọng cho người cháu. Nhóm lửa do đso cũng vừa có nghĩa thực, vừa có ý nghĩa tượng trưng. | | | **Kết luận:** => Từ hình ảnh bếp lửa, bà đã khơi dậy cả những kí ức, kỉ niệm tuổi thơ ấu trong cháu để cháu luôn nhớ về cuội nguồn, nhớ về quê hương đất nước, dân tộc của mình. Như vậy, hình ảnh bếp lửa đơn sơ, giản dị đã mang ý nghĩa khái quá trở thành ngọn lửa trong trái tim- một ngọn lửa ẩn chứa niềm tin và sức sống của con người. Hình ảnh của bà trong tâm hồm nhà thơ không chỉ là người thắp lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa. Lửa ấy là lửa niềm tin, lửa sức sống truyền đến thế hệ mai sau. | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *Đọc lại toàn bộ bài thơ và tìm những yếu tố tự sự trong bài, nêu tác dụng của những yếu tố ấy?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - Học sinh trình bày ý kiến cá nhân.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2. Yếu tố tự sự trong bài thơ**  - Những kỉ niệm về bà và tình cảm bà cháu: được tác giả hồi tưởng theo trình tự ngược dòng thời gian: hiện tại – quá khứ - hiện tại kèm theo là các sự kiện  + Năm ấy đói mòn đói mỏi  + 8 năm ròng cháu ở cùng bà: bà dạy, bà bảo, bà chăm…  + Năm giặc đốt làng: …  + Giờ cháu đã đi xa  **- Tác dụng:** -> Điều làm nên thành công làm nên thành công của đoạn thơ hồi tưởng về bà, qua dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình chính là sự kết hợp, đan xen nhuần nhuyễn giữa các yếu tố biểu cảm, miêu tả và tự sự. Đây cũng là bút pháp quen thuộc của nhà thơ. Chính sự kết hợp nhuần nhị độc đáo đó khiến hình ảnh của bà thật gần gũi, những mảng tuổi thơ lại hiện về sống động, chân thành và giản dị. Qua đó, trong dòng hồi tưởng về quá khứ, người cháu thể hiện nỗi nhớ thương vô hạn và biết ơn bà sâu nặng… |
| CÙNG SUY NGẪM:  ? **Em hãy khái quát chủ đề của bài thơ và cho biết từ văn bản, em đã nhận ra những bài học ý nghĩa nào trong cuộc sống?**  **-**HS suy nghĩ, viết ra mẩu giấy nhớ  **-** HS chia sẻ sản phẩm với bạn  **=> GV** gọi các cặp/ nhóm bắt cặp, chia sẻ  **- GV** chốt**:**  ***Bài thơ chứa đựng một ý nghĩa, triết lý thầm kín***: những gì thân thiết của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu thương và lòng biết ơn bà chính là một biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, sự gắn bó với gia đình, quê hương, đất nước. | **3. Chủ đề, thông điệp**  **- Chủ đề:** Bài thơ viết về tình cảm bà cháu với những kỉ niệm tuổi thơ khó nhọc mà đầy tình yêu thương bên bà. Từ kỉ niệm, người cháu suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời và lẽ sống giản dị mà cao quý của bà.   * **Thông điệp:** * Quý trọng tình cảm gia đình và những người thân yêu trong gia đình * Trân trọng kỉ niệm và những giây phút được sống bên những người thân yêu * Những gì là thân thiết của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Khái quát giá trị nội dung của văn bản.  2. Khái quát giá trị nghệ thuật của văn bản.  (Gợi ý: Về nghệ thuật (tù ngữ, hình ảnh, các yếu tố biểu đạt...)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**  - Học sinh báo cáo  - Các HS khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**  Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung:**  - Bài thơ viết về tình bà cháu, một tình cảm giản dị, gần gũi, thiêng liêng đối với hầu hết mọi người.  - Thể hiện hình ảnh bà sống động, cụ thể từ lúc nhân vật "cháu" còn nhỏ đến lúc trưởng thành, thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ và lòng biết ơn đối với bà.  **2. Giá trị nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ giàu tính biểu đạt.  - Sự kết hợp giữa miêu tả, tự sự và biểu cảm.  - Hình ảnh thơ gần gũi, giàu liên tưởng, mang ý nghĩa biểu tượng.  **3. Cách đọc văn bản**  - **B1- Đọc kĩ VB,** tìm hiểu thông tin về **tác giả, hoàn cảnh ra đời VB** (nếu có)  **- B2- Xác định các yếu tố hình thức đặc trưng thể loại** được thể hiện trong VB. (dòng- khổ- vần- nhịp- nhân vật trữ tình…)  **- B3- Chỉ ra bố cục** và **mạch cảm xúc** của VB.  **- B4- Phân tích đặc sắc nghệ thuật** (từ ngữ- hình ảnh- BPTT) và tác dụng của chúng trong việc bộc lộ **cảm xúc nhân vật trữ tình.**  **- B5- Khái quát chủ đề VB**, **liên hệ bản thân và kết nối cuộc sống** để hiểu sâu sắc hơn về VB. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (10’)**

**a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào luyện tập**

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong bài thơ?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS làm việc cá nhân.

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS. => Chốt kiến thức.

- Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (5’)**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**b. Nội dung:**Em hãy lí giải vì sao những gì thân thiết của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài của cuộc sống.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ (nếu cần).

- HS suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả, thảo luận:**

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, phản biện (nếu có).

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- Tuyên dương, ghi điểm cho những HS có bài viết hay. Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**\* Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà và chuẩn bị bài sau: (3p)**

**- Hướng dẫn học sinh học bài, làm bài tập vận dụng:**

+ Nắm chắc kiến thức về tác giả, nội dung, nghệ thuật của văn bản “Bếp lửa”.

+ Hoàn thiện bài tập trong phần luyện tập và vận dụng.

**- Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài sau:**

+ Soạn bài Thực hành tiếng Việt “Các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần”

+ Xem trước phần kiến thức Ngữ văn (SGK- tr 35, 36) các bài tập trong sách giáo khoa (Tr 41, 42, 43).